

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày 21-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu;
2. Ông Lù Văn Quý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T - Địa chỉ: số L, Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân, VPBank Hội sở (theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQQ-HĐQT ngày 02/3/2018). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Việt H - Trưởng bộ phận xử lý nợ VPBank AMC. Có mặt.
 - Ông Nguyễn Văn C - Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC. Vắng mặt.
- (Theo văn bản ủy quyền số 37/46/2018/UQ-VPB ngày 29/11/2018).
- Ông Phạm Thành Q- Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC (theo giấy ủy

quyền số 2957/2019/UQ-VPB, ngày 11/4/2019). Vắng mặt.

Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà R, khu đô thị Royal C, số A, đường Nguyễn T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

- Ông Đậu Xuân T, sinh năm 1967. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường Chiềng S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Lê N, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Tổ b, phường Quyết Th, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T và ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N có ký kết 02 (hai) Hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/08/2016 và khế ước nhận nợ số 8498395 ngày 23/08/2016 số tiền vay 676.000.000 đồng; Hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016 với hạn mức cấp tín dụng 150.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô, thời hạn: 84 tháng. Tổng số tiền ông T và bà N đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T là 826.000.000 đồng (tám trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 thuộc quyền sở hữu của ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N theo giấy đăng ký xe ô tô số 007512 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 22/8/2016 đứng tên ông Đậu Xuân T, theo hợp đồng thế chấp ô tô số 8498395/TC ngày 23/8/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T với ông Đậu Xuân T và vợ bà Nguyễn Lê N, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đã giải ngân cho ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N số tiền theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N đã trả được tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2019 là 120.540.490 đồng (gốc 64.384.000 đồng, lãi 56.156.490 đồng).

Ông T và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến

ngày 21/5/2019, số tiền là 1.153.052.885 đồng.

- Trường hợp ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là 01 xe ô tô HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 thuộc quyền sở hữu của ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N theo giấy đăng ký xe ô tô số 007512 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 22/8/2016 đứng tên ông Đậu Xuân T, theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 8498395 ngày 23/8/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Nếu số tiền thu được từ phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ thì ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngoài yêu cầu trên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Đậu Xuân T trình bày:

Ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có ký kết 02 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/8/2016 và hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016. Tổng số tiền vay theo 02 hợp đồng trên là 826.000.000,đ (tám trăm hai mươi sáu triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn để mua xe ô tô, thời hạn trả: 84 tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 thuộc quyền sở hữu của ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N theo giấy đăng ký xe ô tô số 007512 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 22/8/2016 đứng tên ông Đậu Xuân T. Tính đến ngày 23/5/2017, ông T và bà N đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền là 120.540.490 đồng (gốc 64.384.000 đồng, lãi 56.156.490 đồng).

Toàn bộ khoản nợ trên ông Đậu Xuân T cho rằng: Ông T là người trực tiếp làm thủ tục vay, bà Nguyễn Lê N chỉ là người ký vào hồ sơ vay cho đủ thủ tục, bà Nguyễn Lê N không phải là người trực tiếp sử dụng khoản vay, nghĩa là không trực tiếp sử dụng chiếc HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS26A-04740. Đầu năm 2017 ông T và bà N ly hôn, giữa hai bên có tự thỏa thuận: ông T sử dụng chiếc xe thì chịu trách nhiệm trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T. Hiện ông T đang bị tạm giam trong một vụ án hình sự, không có điều kiện trả nợ đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T gia hạn nợ đến khi có điều kiện sẽ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T. Đối với tài sản đảm bảo là chiếc xe HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740, hiện ông đã cầm cố cho anh Cao Hữu T, trú tại tổ 0, phường Quyết T, thành phố Sơn La. Việc cầm cố không được xác lập bằng văn bản.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Lê N trình bày:

Ngày 23/8/2016 ông Đậu Xuân T đã làm thủ tục vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T thông qua hợp đồng tín dụng số 8498395 với số tiền là 676.000.000 đồng và hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016 với hạn mức cấp tín dụng 150.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 826.000.000 đồng (tám trăm hai mươi sáu triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn để mua xe ô tô là phương tiện đi lại trong gia đình, thời hạn trả 84 tháng. Đầu năm 2017 ông T và bà N ly hôn đã tự thỏa thuận: ông T sử dụng chiếc xe ô tô đã thế chấp cho Ngân hàng thì chịu trách nhiệm trả khoản nợ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T. Bà N không có trách nhiệm phải trả nợ cùng ông T.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2019 là 1.153.052.885 đồng (nợ gốc 761.578.875 đồng, nợ lãi 343.839.850 đồng, phạt lãi chậm trả 47.634.160 đồng); Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là 01 xe ô tô HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 8498395 ngày 23/8/2016; Nếu số tiền thu được từ phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Lê N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà phải liên đới trả nợ cùng ông T, bà N cho rằng trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thuộc về ông Đậu Xuân T.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật (theo Điều 26, Điều 35); Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, được triệu tập đầy đủ tham gia vụ án (theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015); Hoạt động thu thập chứng cứ đúng (theo quy định từ Điều 91 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015); Cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về việc

xét xử sơ thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải trả tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/5/2019; Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền phát mại tài sản đảm bảo, nếu tài sản phát mại không đủ số tiền thanh toán thì ông Đậu Xuân T và Nguyễn Lê N tiếp tục thanh toán khoản nợ trên đến khi tất toán. Ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên và của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T: Người đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Tuấn A vắng mặt, những người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Việt H có mặt, ông Nguyễn Văn C vắng mặt, ông Phạm Thành Q có mặt; Bị đơn ông Đậu Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (tổng đạt trực tiếp) có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc ủy quyền của đương sự; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xem xét giải quyết buộc ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N thanh toán nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N hiện đang cư trú tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp vay tài sản:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/8/2016 và hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016 và các văn bản liên quan; Lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T và lời trình bày của bị đơn ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N thì việc hai bên có giao dịch vay tiền là có thật.

Việc vay tiền và giao kết Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T và ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N là sự thỏa thuận và

hoàn toàn tự nguyện giữa các bên (ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N cùng tự nguyện ký vào các Hợp đồng tín dụng), quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh khi các bên ký kết hợp đồng, trong hợp đồng đã ghi rõ số tiền vay, thời hạn cho vay và hình thức cho vay, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán và trách nhiệm thực hiện của các bên; hình thức hợp đồng tín dụng tuân thủ đúng quy định. Vì vậy, ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải có nghĩa vụ đối với giao dịch do mình thực hiện là thanh toán số tiền vay đúng theo điều khoản trong hợp đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

Cụ thể: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2016 đến ngày 23/8/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T và ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N có ký kết 02 hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/08/2016 và kế ước nhận nợ số 8498395 ngày 23/08/2016 số tiền vay 676.000.000 đồng, thời hạn: 84 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 9,49 %/ năm (mức lãi suất này sẽ cố định trong vòng 12 tháng; Hết thời hạn 12 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng/1 lần vào các ngày 01/01 – 01/04 – 01/07 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/08/2017; điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2017; mức điều chỉnh bằng: lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh với biên độ 6%/ năm; kỳ trả nợ gốc và lãi 01 lần vào ngày 23; kỳ trả nợ đầu tiên bắt đầu vào ngày 23/09/2016 với gốc là: 8.048.000 đồng);

- Hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016 với hạn mức cấp tín dụng: 150.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện 02 hợp đồng trên tính đến ngày 21/5/2019, bị đơn đã thanh toán được 120.540.490 đồng (gốc 64.384.000 đồng, lãi 56.156.490 đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2019, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T và ông T, bà N cùng xác nhận khoản nợ tính đến ngày 18/12/2018 gồm nợ gốc 761.578.875 đồng, lãi 270.046.737 đồng, phạt chậm trả 30.156.974 đồng, tổng là 1.061.782.586 đồng.

Do vậy yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; Buộc ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền vay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2019) gồm: nợ gốc 761.578.875 đồng, lãi 343.839.850 đồng, phạt chậm trả 47.634.160 đồng, tổng cộng là 1.153.052.885 đồng. Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T tài sản là 01 ô tô HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 mang tên Đậu Xuân T theo hợp đồng thế chấp số 8498395 ngày 23/8/2016 và phụ lục hợp

đồng ngày 23/8/2016. Hiện tài sản trên ông T khai cầm cố cho anh Cao Hữu T, nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc cầm cố. Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018 với anh Cao Hữu T trú tại tổ 0, phường Quyết T, thành phố Sơn La khẳng định: Giữa anh T và ông Đậu Xuân T không mua bán hay cầm cố bất kỳ tài sản nào, việc ông Đậu Xuân Trường khai cầm cố chiếc xe HUYNDAI CRETA; số khung 81UBGM117241; số máy D4FBGM114948; BKS 26A-04740 là không đúng, không có căn cứ. Nên ông Đậu Xuân Trường và bà Nguyễn Lê Na phải có trách nhiệm đối với hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Xét hợp đồng thế chấp đảm bảo cho khoản vay được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T với ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là tài chung thuộc quyền hữu hợp pháp của ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N. Hợp đồng xác lập đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp. Như vậy yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T trong trường hợp ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N không thanh toán được khoản nợ hoặc thanh toán không đầy đủ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 7, Điều 8 của Hợp đồng thế chấp ô tô hai bên đã ký và quy định tại các Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với việc ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N cho rằng bà Nguyễn Lê N chỉ ký vào 02 Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/8/2016 và hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016 và các văn bản liên quan để ông Đậu Xuân T vay tiền mua xe ô tô, sử dụng vào việc riêng của ông T, trong quá trình giải quyết ly hôn đã tự thỏa thuận ông T có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên tại Quyết công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La không thể hiện sự thỏa thuận của ông T và N về khoản nợ của Ngân hàng Cổ phần Thương mại Việt Nam T và cũng không có ý kiến của Ngân hàng đối với khoản nợ này. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 292, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, 2, 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T

2. Buộc ông Đậu Xuân T, bà Nguyễn Lê N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T toàn bộ số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng số 8498395 ngày 23/08/2016 và khế ước nhận nợ số 8498395 ngày 23/08/2016; Hợp đồng thế tín dụng số 310-P-727241 ngày 09/8/2016. Tổng cộng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2019) là 1.153.052.885 đồng (một tỷ một trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn tám trăm tám mươi năm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 761.578.875 đồng, lãi trong hạn là 343.839.850 đồng, lãi quá hạn là 47.634.160 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo sau xét xử sơ thẩm (ngày 21/5/2019), ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc, nợ lãi theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả đến khi trả nợ xong khoản tiền gốc.

Sau khi ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản thế chấp của ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N đã thế chấp tại ngân hàng theo qui định của pháp luật.

Trường hợp ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N không thanh toán đầy đủ khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La hoặc cơ quan khác có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô tô HUYNDAI CRETA; số khung: 81UBGM117241; số máy: D4FBGM114948; BKS: 26A-04740, theo giấy đăng ký xe ô tô số 007512 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 22/8/2016 đứng tên ông Đậu Xuân T, theo Hợp đồng thế chấp số 8498395 ngày 23/8/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 23/8/2016. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ thì ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T đến khi hết nợ.

3. Về án phí:

Ông Đậu Xuân T và bà Nguyễn Lê N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.591.600 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T 21.478.500 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002704, ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Lê N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/5/2019).

Bị đơn ông Đậu Xuân T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng